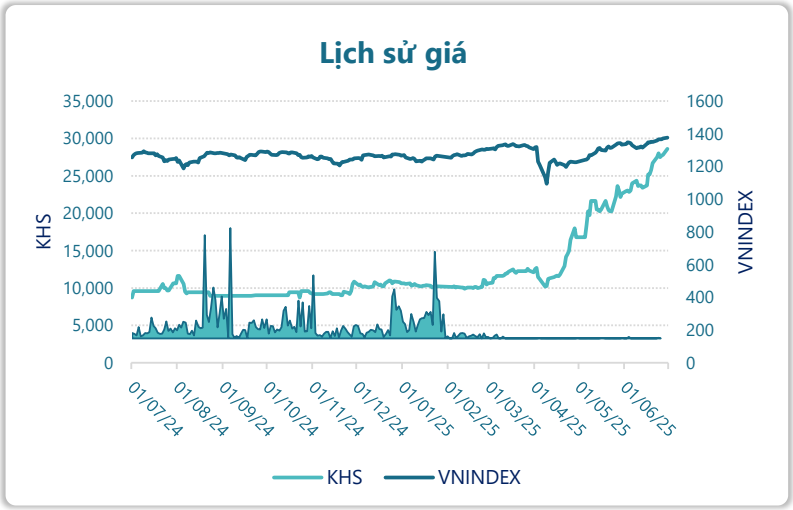
FireAnt

CTCP Kiên Hùng (HNX: KHS)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,724
SL cổ phiếu LH	13,904,571
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,150
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	398
P/E	8.0
EPS	3,591

DT thuần

Q2/25

186

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00| 0.8%

YoY: ▲ 8.00| 4.2%

LN sau thuế

Q2/25

11.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.80| -46.7%

YoY: ▲ 8.10| 252%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.6%

+/- YoY: ▲ 3.4%

DT thuần

6T 2025

370

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 54.0| 16.9%

LN sau thuế

6T 2025

32.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0| 342%

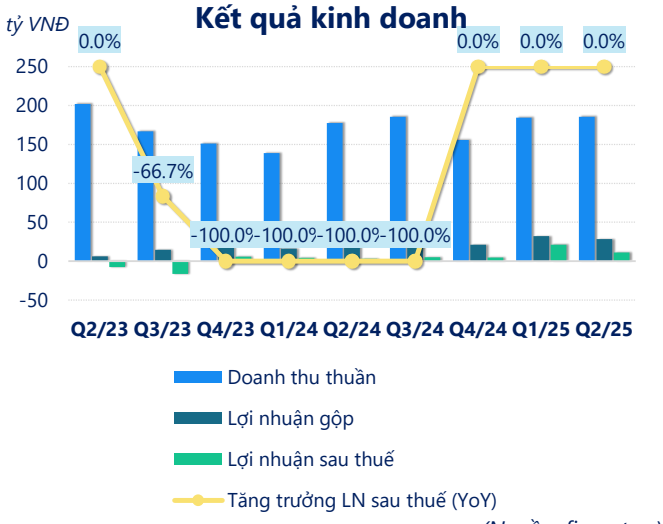
ROE

Q2/25

22.2%

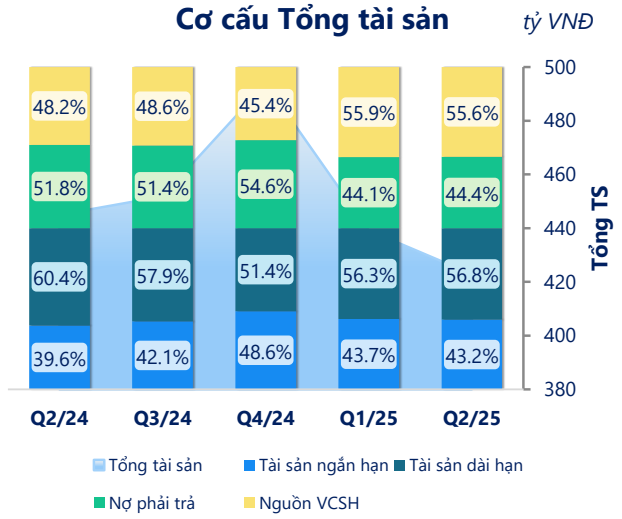
+/- YoY: ▲ 20.7%

Kết quả kinh doanh



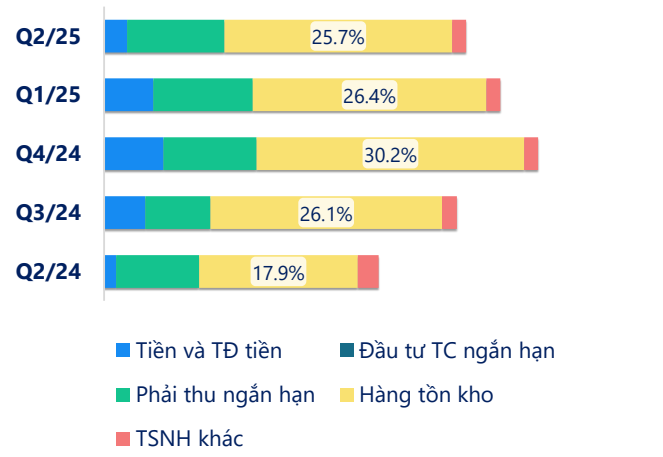
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



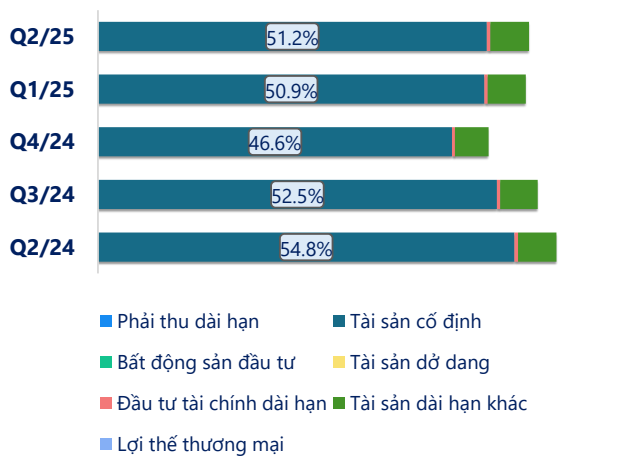
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



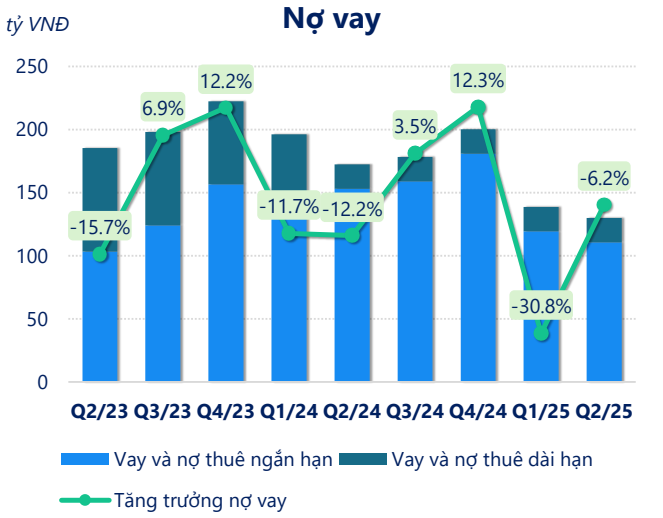
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



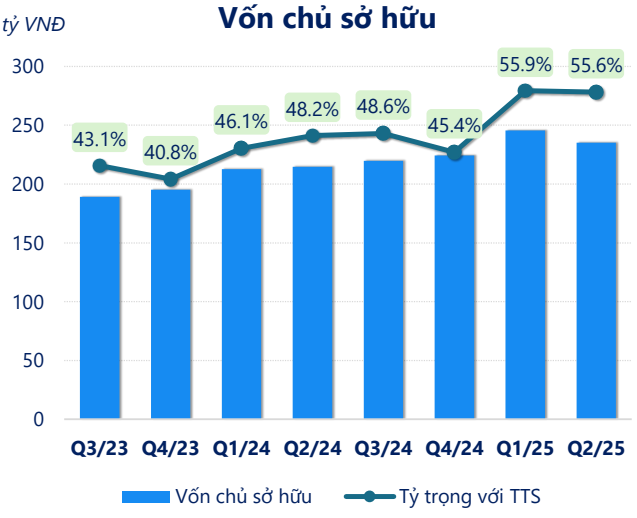
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



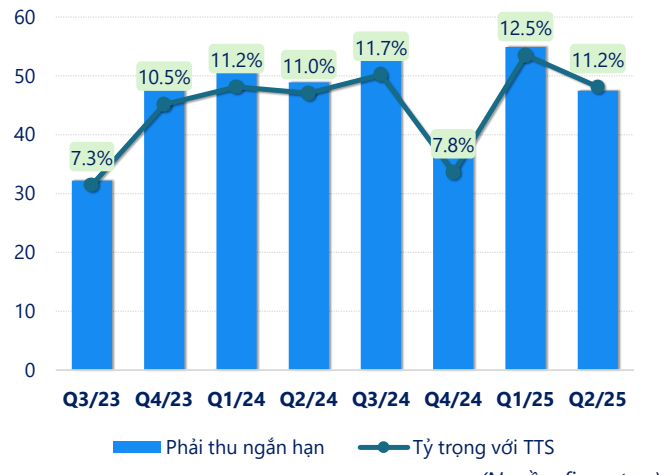
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



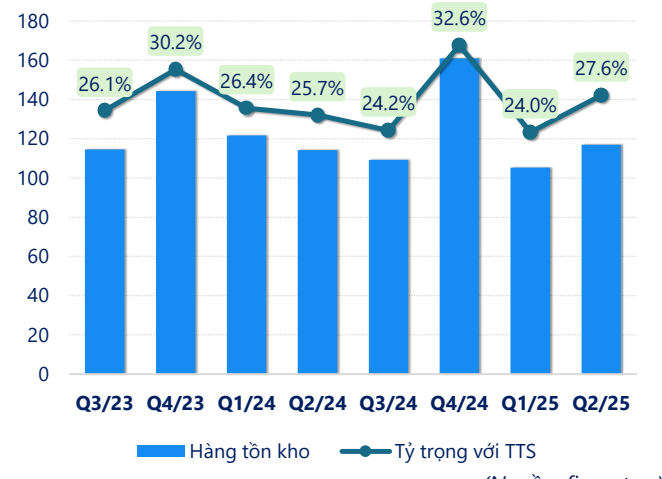
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



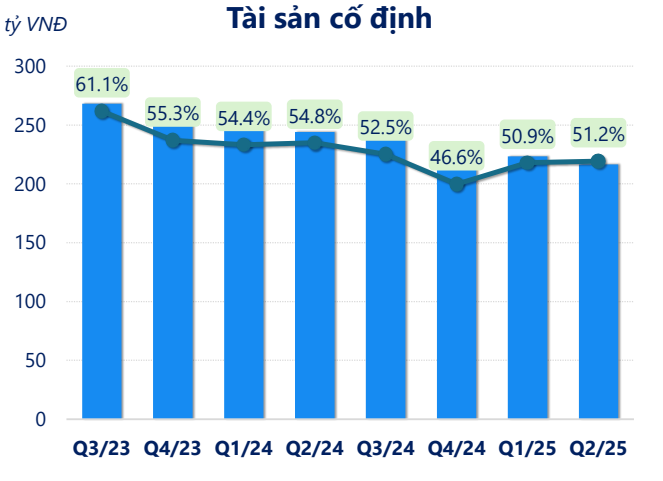
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



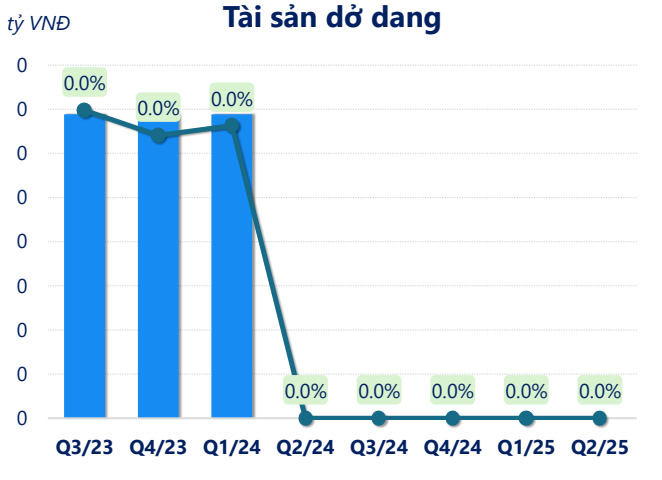
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



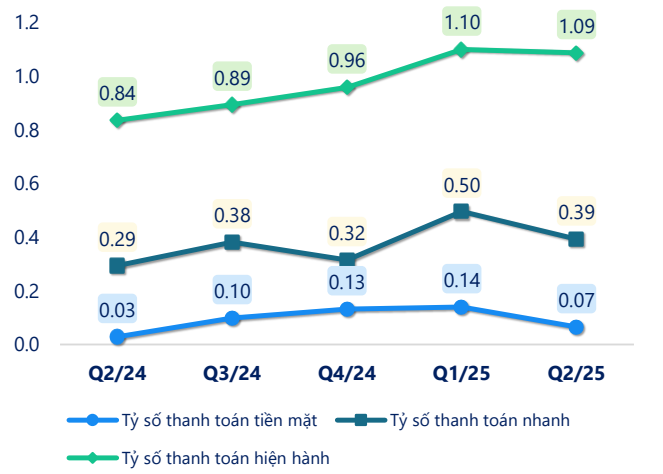
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



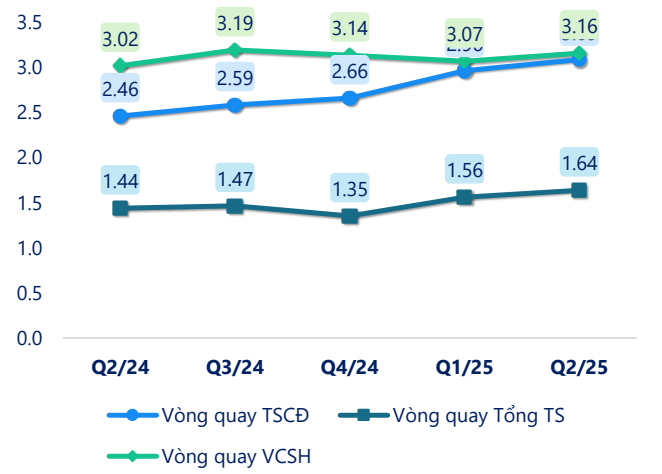
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**445**	**452**	**494**	**439**	**423**
Tài sản ngắn hạn	**176**	**190**	**240**	**192**	**183**
Tiền và tương đương tiền	6.05	21.1	33.0	24.4	11.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	48.9	52.9	38.8	54.9	47.5
Hàng tồn kho	114	109	161	105	117
Tài sản ngắn hạn khác	7.14	7.16	7.09	7.22	7.53
Tài sản dài hạn	**269**	**262**	**254**	**247**	**240**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	244	237	230	223	216
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	22.6	22.2	21.9	22.0	21.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**230**	**232**	**270**	**194**	**188**
Nợ ngắn hạn	**211**	**213**	**250**	**174**	**168**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	153	159	181	119	111
Phải trả người bán ngắn hạn	28.8	27.3	37.2	31.2	32.5
Nợ dài hạn	19.3	19.3	19.3	19.3	19.3
Vay và nợ thuê dài hạn	19.3	19.3	19.3	19.3	19.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**215**	**220**	**224**	**245**	**235**
Vốn chủ sở hữu	**215**	**220**	**224**	**245**	**235**
Vốn điều lệ	121	121	121	121	121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)